

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày: 25 - 4 - 2024

"V/v Tranh chấp dân sự chia thừa kế tài sản,  
tranh chấp quyền sử dụng đất và  
di dời tài sản gắn liền với đất".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Minh Châu

2. Ông Trần Duy Hồ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:**  
Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022. Về việc tranh chấp dân sự chia thừa kế tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản gắn liền với đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 03/TB-TA ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1969;

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thiện T, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Thanh B, sinh năm 1970;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ tạm trú: Ấp Long T, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Huỳnh Tấn I, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

3. Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1973;

Địa chỉ cư trú: Khóm An A, phường An C, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

4. Chị Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp.

5. Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

6. Ông Võ Anh A, sinh 1969;

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa R, xã T, thành Phố H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ông Vãng Đại HA, sinh năm 1979 (chồng chị Kim H - người đang thuê phần đất tranh chấp ở Tân Hồng);

Địa chỉ cư trú: Ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Huỳnh Thị V trình bày:* Cha của bà là ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1932 (chết năm 1990), mẹ là Phạm Thị S, sinh năm 1939 (chết năm 2021). Cha mẹ có sinh được 06 người con gồm: 1. Huỳnh Thị V, sinh năm 1969 (là bà); 2. Huỳnh Thanh B, sinh năm 1970; 3. Huỳnh Tấn I, sinh năm 1972; 4. Huỳnh Minh P, sinh năm 1973; 5. Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1982; 6. Huỳnh Thiện T, sinh năm 1985. Mẹ của bà chết có để lại tài sản do Huỳnh Thiện T và Huỳnh Minh P đang quản lý sử dụng. Nay bà V khởi kiện yêu cầu Huỳnh Thiện T, Huỳnh Minh P chia thừa kế các tài sản sau:

- Yêu cầu Huỳnh Thiện T chia thừa kế cho bà được hưởng 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng do mẹ bà là bà Phạm Thị S đứng tên diện tích 4.766,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1185, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (hiện do Huỳnh Văn N thuê canh tác), bằng hiện vật.

- Yêu cầu anh Huỳnh Thiện T chia cho bà được hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 115,5m<sup>2</sup> và căn nhà nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất này, thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, do mẹ bà là bà Phạm Thị S đứng tên, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H,

tỉnh Đồng Tháp. Vì mẹ bà có để lại di chúc cho bà phần tài sản này.

- Yêu cầu anh Huỳnh Thiện T chia thừa kế đối với phần đất ruộng diện tích  $7.538\text{m}^2$ , thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07 và diện tích  $3.884\text{m}^2$ , thuộc thửa 1275, tờ bản đồ 07, đất tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp. Bà V yêu cầu chia thừa kế thành 06 phần bằng nhau (theo đo đạc thực tế), bà V yêu cầu được hưởng 01 phần bằng hiện vật là  $2.000\text{m}^2$ .

- Bà Huỳnh Thị V yêu cầu anh Huỳnh Minh P chia thừa kế quyền sử dụng đất và căn nhà gỗ lợp ngói gắn liền với quyền sử dụng đất này, tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp thành 06 phần bằng nhau, bà V yêu cầu hưởng 01 phần bằng giá trị với số tiền là 43.333.000 đồng (hiện căn nhà do anh Huỳnh Minh P đang quản lý, sử dụng). Nay bà yêu cầu nhận giá trị theo giá của Hội đồng định giá.

- Bà V yêu cầu chia khoản tiền tiết kiệm của mẹ bà để lại là 270.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K và Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Nhưng hiện nay chị em bà thỏa thuận chia xong nên bà xin rút yêu cầu và không tranh chấp số tiền này.

- Đối với việc ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M có yêu cầu độc lập yêu cầu chị, em của bà trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất  $20,5\text{m}^2$  là bà không thống nhất vì khi mẹ bà còn sống thì ông A, bà M không tranh chấp và phần đất này trước đây xã đã có giải quyết xong.

*Bị đơn anh Huỳnh Thiện T trình bày:* Phần họ tên, thời gian cha, mẹ qua đời và họ, tên của các anh, chị, em, anh T thống nhất theo trình bày của bà Huỳnh Thị V. Về yêu cầu chia thừa kế của bà V thì anh T không đồng ý vì:

- Đối với phần đất ruộng ở khóm C, phường An L do mẹ anh là bà Phạm Thị S đứng tên là  $4.766,8\text{m}^2$ , thuộc thửa 1185, tờ bản đồ số 4 thì trong đó có  $2.000\text{m}^2$  là phần mẹ cho anh Huỳnh Thanh B nhưng anh B đã có ý kiến phần này cho đều 05 anh em mỗi người  $400\text{m}^2$  (chỉ cho qua lời nói chưa tách bộ đất), còn lại  $2.766,8\text{m}^2$  là thuộc di sản của mẹ anh thì anh yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau gồm: cha mẹ 02 phần để thờ cúng, 06 anh em mỗi người một phần, anh T yêu cầu được hưởng 01 phần của anh và 02 phần của cha mẹ, yêu cầu được hưởng bằng hiện vật.

- Đối với căn nhà cấp 4 nóc thái gắn liền với đất diện tích  $115,5\text{m}^2$ , thửa 42, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, mẹ anh là bà Phạm Thị S đứng tên, hiện anh đang quản lý, sử dụng thì anh yêu cầu được hưởng toàn bộ để thờ cúng cha mẹ vì anh là con út, mẹ anh có di chúc lại để cho anh thờ cúng.

- Đối với phần đất ruộng diện tích  $7.538\text{m}^2$ , thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07 và diện tích  $3.884\text{m}^2$ , thuộc thửa 1275, tờ bản đồ 07, đất tọa lạc tại ấp Cả

G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp thì mẹ anh là Phạm Thị S trước khi chết đã tặng cho anh khoảng 06 công tầm cắt và đã sang tên cho anh xong, còn hơn 03 công đất ruộng là của anh mua riêng. Đối với toàn bộ phần đất này thì anh không đồng ý chia.

- Đối với căn nhà gỗ lợp ngói và phần đất chưa được cấp quyền sử dụng tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp hiện do anh Huỳnh Minh P đang quản lý sử dụng thì anh T yêu cầu được chia làm 08 phần: cha mẹ 02 phần để thờ cúng, 06 anh em mỗi người một phần, anh yêu cầu được hưởng 01 phần của anh và 02 phần của cha mẹ, anh yêu cầu hưởng bằng giá trị theo giá của Hội đồng định giá.

- Đối với khoản tiền tiết kiệm của mẹ để lại là 270.000.000 đồng. Hiện nay chị em của anh thỏa thuận chia xong nên xin rút lại không tranh nữa.

- Đối với phần yêu cầu độc lập của ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M yêu cầu anh em của anh phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất 20.5m<sup>2</sup> thì anh không thống nhất vì khi mẹ anh còn sống thì bà M và ông A không tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B có văn bản ý kiến như sau:* Về họ tên và thời gian cha mẹ qua đời thống nhất trình bày của bà V còn phần tài sản của mẹ để lại, ông B có ý kiến như sau:

- Đối với phần đất ruộng tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp thì mẹ của ông là Phạm Thị S trước khi chết đã cho T khoảng 06 công tầm cắt và đã sang tên cho T xong, còn hơn 03 công đất ruộng là của T mua riêng. Đối với phần đất này thì ông không tranh chấp vì mẹ đã cho T. Ông không yêu cầu gì thêm;

- Đối với phần đất ruộng tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do mẹ ông đứng tên diện tích khoảng 4.766,8m<sup>2</sup> thì trong đó có 2.000m<sup>2</sup> là phần mẹ cho ông nhưng ông đã có ý kiến phần này ông cho đều 05 anh em mỗi người 400m<sup>2</sup> (chỉ cho qua lời nói chưa tách bộ đất), còn lại 2.766,8m<sup>2</sup> là thuộc di sản của mẹ ông thì ông yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau gồm: cha mẹ 02 phần để thờ cúng, 06 anh em mỗi người một phần;

- Đối với 02 căn nhà tại xã T (01 căn nhà nóc thái tại ấp Tân Hòa T, xã T do T đang quản lý, sử dụng và 01 căn nhà gỗ lợp ngói tại ấp Tân Hòa R, xã T hiện do P đang quản lý, sử dụng) thì trước đây ông yêu cầu chia thừa kế thành 08 phần bằng nhau: cha mẹ 02 phần (để thờ cúng), 06 anh em mỗi người một phần. Nay ông xin thay đổi là căn nhà mà T đang quản lý sử dụng thì ông yêu cầu giao cho T được sở hữu để thờ cúng cha mẹ vì T là con trai út sống chung với mẹ, ông không đồng ý chia thừa kế căn nhà này, còn đối với căn nhà gỗ tại ấp Tân Hòa R do P đang quản lý sử dụng thì ông yêu cầu được chia thành 08

phần bằng nhau: cha mẹ 02 phần (để thờ cúng), 06 anh em mỗi người một phần, phần ông được hưởng thì ông cho lại T;

- Đối với khoản tiền tiết kiệm của mẹ để lại là 270.000.000 đồng hiện nay chị em ông thỏa thuận chia xong nên xin rút lại yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu độc lập của bà M và ông A thì ông không thống nhất vì đất đó là của mẹ ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn I trình bày:*

- Đối với phần đất ruộng tọa lạc tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp thì mẹ ông là Phạm Thị S trước khi chết đã cho T khoảng 06 công tâm cấy và đã sang tên cho T xong, còn hơn 03 công đất ruộng là của T mua riêng. Đối với phần đất này thì ông không tranh chấp vì mẹ đã cho Tg. Ông không yêu cầu gì thêm;

- Đối với phần đất ruộng tọa lạc tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do mẹ ông đứng tên diện tích khoảng 4.766,8m<sup>2</sup> thì trong đó có 2.000m<sup>2</sup> là phần mẹ cho anh B nhưng anh B đã có ý kiến phần là anh B cho đều 05 anh em mỗi người 400m<sup>2</sup> (chỉ cho qua lời nói chưa tách bộ đất), còn lại 2.766,8m<sup>2</sup> là thuộc di sản của mẹ thì ông yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau gồm: cha mẹ 02 phần để thờ cúng, 06 anh em mỗi người một phần, ông yêu cầu hưởng 01 phần bằng hiện vật;

- Đối với 02 căn nhà tại xã T (01 căn nhà nóc thái tại ấp Tân Hòa T, xã T do T đang quản lý, sử dụng và 01 căn nhà gỗ lợp ngói tại ấp Tân Hòa R, xã T hiện do P đang quản lý, sử dụng) thì trước đây ông yêu cầu chia thừa kế thành 08 phần bằng nhau: cha mẹ 02 phần (để thờ cúng), 06 anh em mỗi người một phần, ông yêu cầu hưởng giá trị. Nay ông xin thay đổi là căn nhà mà T đang quản lý sử dụng thì ông yêu cầu được hưởng 01 phần và yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu giao cho T quản lý để thờ cúng cha mẹ, không được bán, nếu T bán hoặc đất trúng quy hoạch thì phải chia cho ông 01 phần bằng giá trị, còn đối với căn nhà tại ấp Tân Hòa R do P đang quản lý sử dụng thì ông yêu cầu được chia thành 08 phần bằng nhau: cha mẹ 02 phần (để thờ cúng), 06 anh em mỗi người một phần, ông yêu cầu được hưởng 01 phần bằng giá trị, theo ông giá trị căn nhà và đất theo giá khoảng 260.000.000đồng, ông yêu cầu được hưởng là 32.500.000đồng nhưng nay ông thống nhất giá tài sản theo Hội đồng định giá.

- Đối với phần tiền gửi Ngân hàng hiện nay chị em ông đã thỏa thuận chia xong nên xin rút lại phần yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu độc lập của ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M yêu cầu anh em ông trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất 20,5m<sup>2</sup>, ông không thống nhất vì khi mẹ tôi còn sống thì bà M, ông A không tranh chấp và phần đất này trước đây xã có giải quyết xong.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh P trình bày:*  
 Ông khởi kiện yêu cầu độc lập chia thừa kế tài sản của mẹ là bà Phạm Thị S để lại, bao gồm:

- Phần đất ruộng tọa lạc tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp diện tích  $4.766,8m^2$ , thuộc thửa 1185, tờ bản đồ số 4, trong đó có  $2.000m^2$  là đất của mẹ ông cho anh Huỳnh Thanh B, còn lại  $2.766,8m^2$ , ông yêu cầu được hưởng  $1.000m^2$  theo tờ di chúc, ông yêu cầu được hưởng giá trị đất (tạm tính khoảng 120.000.000đồng/1.000 mét vuông), nay ông thống nhất giá tài sản theo Hội đồng định giá.

- Căn nhà nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích  $115,5m^2$ , thửa 42, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, mẹ anh là bà Phạm Thị S đứng tên, hiện do anh Huỳnh Thiện T đang quản lý, sử dụng. Ông yêu cầu chia thừa kế căn nhà này thành 06 phần bằng nhau, giá trị căn nhà tạm tính là 600.000.000đồng (Giá nhà và đất thì ông không biết), ông yêu cầu được hưởng giá trị 01 phần là 100.000.000đồng. Nay ông thống nhất giá tài sản theo Hội đồng định giá nhà đất.

- Căn nhà gỗ lợp ngói thuộc ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do ông đang quản lý, sử dụng, giá trị ông tạm tính là 100.000.000đồng (chưa tính đất vì đất chưa có giấy), ông yêu cầu được hưởng toàn bộ căn nhà này (hưởng hiện vật) vì khi còn sống đã được mẹ ông cho ông sử dụng. Nay ông thống nhất giá tài sản theo Hội đồng định giá nhà và đất và giữ nguyên yêu cầu không thống nhất chia thừa kế cho các anh em vì mẹ ông đã cho ông.

- Đối với phần đất diện tích  $7.538m^2$ , thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07 và diện tích  $3.884m^2$  (nguồn tiền từ việc bán nhà ở Kênh T, đây là nhà của cha mẹ, lấy tiền mua để cho T đứng tên), thuộc thửa 1275, tờ bản đồ 07, đất tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G. Ông yêu cầu chia thừa kế phần đất này thành 06 phần bằng nhau, phần ông yêu cầu hưởng giá trị 01 phần là 100.000.000đồng. Nay ông thống nhất giá tài sản theo Hội đồng định giá.

- Đối với tiền gửi tiết kiệm của mẹ ông là bà S để lại tổng cộng là 270.000.000đồng. Hiện nay chị em ông thỏa thuận chia xong nên xin rút lại một phần yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M đòi anh em của ông trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất  $20,5m^2$  là ông không thống nhất vì khi mẹ ông còn sống thì bà M, ông A không tranh chấp và phần đất này trước đây xã có giải quyết xong. Tại phiên tòa hôm nay ông không thống nhất trả lại đất và di dời vật kiến trúc (02 cây dừa) trả đất cho ông A và bà M vì phần đất trên là của mẹ ông .

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim H trình bày:*

- Đối với phần đất ruộng tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp thì mẹ bà là Phạm Thị S trước khi chết đã cho T khoảng 06 công tầm cắt và đã sang tên cho T xong, còn hơn 03 công đất ruộng là của T mua riêng. Đối với phần đất này thì bà không tranh chấp vì mẹ đã cho T. Bà không yêu cầu gì thêm;

- Đối với phần đất ruộng tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp diện tích 4.766,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1185, tờ bản đồ số 4 thì trong đó có 2.000m<sup>2</sup> là phần mẹ cho anh B nhưng anh B đã có ý kiến là anh B cho đều 05 anh em mỗi người 400m<sup>2</sup> (chỉ cho qua lời nói chưa tách bộ đất), còn lại 2.766,8m<sup>2</sup> là thuộc di sản của mẹ bà thì bà yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau gồm: cha mẹ 02 phần để thờ cúng, 06 anh em mỗi người một phần, bà yêu cầu hưởng 01 phần bằng hiện vật và thống nhất giá theo Hội đồng định giá.

- Đối với căn nhà nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 115,5m<sup>2</sup>, thửa 42, tờ bản đồ số 4, do T đang quản lý, sử dụng, bà yêu cầu chia thừa kế thành 08 phần bằng nhau: cha mẹ 02 phần (để thờ cúng), 06 anh em mỗi người một phần, bà yêu cầu hưởng 01 phần nhưng bà giao cho T sử dụng để thờ cúng ông bà và yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu giao cho T quản lý để thờ cúng cha mẹ, không được bán, nếu T bán hoặc đất trúng quy hoạch thì phải chia cho bà 01 phần bằng giá trị. Đối với căn nhà gỗ lợp ngói và nền đất (chưa được cấp quyền sử dụng), tại ấp Tân Hòa R, xã T do P đang quản lý sử dụng thì bà yêu cầu được chia thành 08 phần bằng nhau: cha mẹ 02 phần (để thờ cúng), 06 anh em mỗi người một phần, bà yêu cầu được hưởng 01 phần bằng giá trị, theo bà giá trị căn nhà và đất theo giá khoảng 260.000.000đồng, bà yêu cầu được hưởng là 32.500.000đồng nhưng nay bà thống nhất giá tài sản theo Hội đồng định giá.

- Đối với khoản tiền tiết kiệm của mẹ để lại là 270.000.000 đồng gửi Ngân hàng hiện nay chị em bà thỏa thuận chia xong nên xin rút lại một phần yêu cầu này.

- Đối với phần yêu cầu độc lập của ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M yêu cầu anh em bà phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất 20.5m<sup>2</sup>, tại ấp Tân Hòa R, xã T, bà không thống nhất vì đất này là của mẹ bà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn N trình bày:*

Anh là người đang canh tác và sử dụng phần đất ruộng tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp mà bà Huỳnh Thị V kiện ông Huỳnh Thiện T và các anh em bà V đang tranh chấp. Phần đất ruộng này anh thuê của bà nội là bà Phạm Thị S khi còn sống, thuê 01 công tầm cắt (03 vụ) là 2.500.000đồng. Sau khi bà nội chết thì anh thuê từ chú T với giá như đã trình

bày. Phần đất anh đang canh tác khoảng 4.766,8m<sup>2</sup>. Đối với vụ chia thừa kế mà các cô chú đang tranh chấp thì anh không có ý kiến hay tranh chấp gì. Anh chỉ xin Tòa án xem xét nếu có chia đất ruộng này mà thời điểm đó lúa đang xạ hay chuẩn bị thu hoạch thì cho anh được thu hoạch xong lúa, anh sẽ bàn giao đất để cho các cô chú và Tòa án xem xét chia đất theo quy định. Còn số tiền thuê đất thì để anh và chú T tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu sau khi Tòa án giải quyết, các cô chú được chia đất có cho anh thuê đất thì anh tiếp tục thuê, còn bán nếu giá cả hợp lý thì anh mua, còn không cho thuê hay bán thì thôi. Ngoài ra, anh không yêu cầu hay bổ sung gì thêm cho đến khi kết thúc vụ kiện.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Văn Đại HA trình bày:*

Hiện nay anh có thuê quyền sử dụng đất diện tích 7.538m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07 và diện tích 3.884m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1275, tờ bản đồ 07, đất tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G của em Huỳnh Thiện T. Nay anh thống nhất khi nào Tòa án xử giao cho ai thì anh thống nhất trả lại để thi hành, ngoài ra anh không có yêu cầu tranh chấp gì cả.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M Trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, cấp kênh T - G là vợ chồng ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Thái Thị Đ (giáp ranh với đất của bà Phạm Thị S) có làm giấy tay vào năm 2001, diện tích ông, bà mua là 1/5 tính theo diện tích đất giữa bà Phạm Thị S (mẹ của bà V, ông T) chia với ông Thái Văn Q có chiều ngang là 5,5m, chiều dài thẳng xuống kênh T - G, gia đình ông cất nhà tạm để ở. Đến khi Nhà nước làm lộ (không nhớ năm nào), xác định đất mé sông không cho người dân cất nhà nên có bồi thường cho gia đình ông số tiền là 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng) kể cả cây trên đất, ông, bà chỉ nhớ có bồi thường còn quyết định bồi thường thì ông, bà không có giữ vì thời điểm này xã chỉ lập danh sách chứ không có quyết định gì cả. Hiện nay phần đất của gia đình ông, bà còn lại chiều ngang khoảng 5,5m, chiều dài giáp đất của Nhà nước khoảng 02m đến 03m, phần diện tích này gia đình ông chưa được cấp quyền sử dụng.

Do chị em của bà Huỳnh Thị V và Huỳnh Minh P có tranh chấp thừa kế phần nhà và đất của mẹ là bà Phạm Thị S để lại nên Tòa án thẩm định thì phía ông P cho rằng phần đất còn lại của ông ngang 5,5m, dài khoảng 02m – 03m là của bà S mẹ chú P để lại. Xét thấy việc gia đình chú P xác định vị trí đất của bà S để chia thừa kế là xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông, bà. Nay vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu các người thừa kế của bà Phạm Thị S gồm: Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P, Thị Thị Kim H và Huỳnh Thiện T phải giao lại cho ông, bà quyền sử dụng diện tích đất 20,5m<sup>2</sup>,



thuộc một phần thửa 836, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp quyền sử dụng tại vị trí số 02 Sơ đồ đo đạc hiện trạng tranh chấp số 30 ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H và yêu cầu Tòa án công nhận cho vợ chồng ông, bà được quyền sử dụng phần đất này, đồng thời ông, bà yêu cầu ông Huỳnh Minh P di dời 02 cây dừa ra khỏi phần đất này và yêu cầu những người thừa kế của bà Phạm Thị S gồm: Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P, Huỳnh Thị Kim H và Huỳnh Thiện T di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên phần đất nêu trên của ông, bà.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có. Về việc giải quyết vụ án đề nghị: căn cứ các Điều 166, 609, 612, 649 BLDS và các Điều 100, 101 Luật đất đai.

+ Đối với phần đất diện tích  $7.538\text{m}^2$ , thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07, yêu cầu khởi kiện của bà V và yêu cầu độc lập của ông P đối với phần này là không có cơ sở để chấp nhận.

+ Đối với phần đất ruộng ở khóm C, phường An L, thành phố H diện tích  $4.782,7\text{m}^2$  thuộc thửa 1185, tờ bản đồ số 4. Hiện nay chỉ còn  $2.766,8\text{m}^2$  (theo thực tế đo đạc là  $2782,7\text{m}^2$ ). Ông T đang quản lý sử dụng do đó giao cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng. Ông T có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà V, anh B, bà H, ông I, ông P tương ứng với phần mà các đồng thừa kế được nhận theo giá của Hội đồng định giá.

+ Diện tích  $115,5\text{m}^2$  có căn nhà nóc thái gắn liền với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 4, đất ở tại nông thôn ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Hiện căn nhà này anh T đang quản lý và sử dụng.

Chia thừa kế căn nhà này làm 07 phần (gồm 06 chị em và 01 phần để thờ cúng). Anh T được hưởng 01 phần của anh T và 01 phần để thờ cúng cha mẹ, anh T được quyền quản lý, sử dụng căn nhà đồng thời có nghĩa vụ trả giá trị cho 05 chị em gồm bà V, ông B, ông I, ông P và bà Kim H mỗi người hưởng giá trị tương ứng với phần tài sản mà họ được hưởng theo giá của Hội đồng định giá.

+ Diện tích  $225\text{m}^2$  thuộc một phần thửa đất số 836, tờ bản đồ số 2 tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó có  $204,5\text{m}^2$  đất là ông P đang quản lý, hiện có căn nhà ngói diện tích  $98\text{m}^2$  trên đất.

Căn nhà gỗ lợp ngói này được chia thành 06 phần, ông P được hưởng 01 phần, ông P được quyền sở hữu căn nhà, ông P có nghĩa vụ trả giá trị cho 05 chị em.

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông A và bà M. Giao phần đất có diện tích 20,5m<sup>2</sup> cho ông A và bà M quản lý và sử dụng. Ông P có trách nhiệm di dời cây dứa, toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên phần đất này. Hiện nay, phần đất này chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nằm trong phạm vi quy hoạch. Ông A và bà M không yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ đòi lại phần đất này đã mua nên giao bà M và ông A quản lý, sử dụng, khi nào UBND có chủ trương cấp giấy, người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp giấy theo quy định của pháp luật thì ông A, bà M được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện “Tranh chấp dân sự chia thừa kế tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản gắn liền với đất” theo khoản 5 và khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Anh Huỳnh Tấn I, anh Huỳnh Văn N và anh Vãng Đại HA có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hoàn toàn phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét thấy cụ Huỳnh Văn D (sinh năm 1932, chết năm 1990) và cụ Phạm Thị S (sinh năm 1939, chết năm 2021) là vợ chồng có sinh được 06 người con là Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thiện T. Năm 1990, cụ Huỳnh Văn D chết và năm 2021 cụ Phạm Thị S chết. Di sản mà cụ S để lại là sau khi cụ D chết nên thời hiệu chia thừa kế vẫn còn. Về hàng thừa kế gồm có Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thiện T là con của cụ Huỳnh Văn D (sinh năm 1932, chết năm 1990) và cụ Phạm Thị S (sinh năm 1939, chết năm 2021) nên những người này đều là những người thừa kế theo pháp luật.

[4] Về phần di sản cụ Huỳnh Văn D để lại là diện tích đất ruộng tại khóm C, phường An L, huyện (nay là thành phố) H thì vào năm 2008, cụ Phạm Thị S đã chia diện tích đất này cho các con xong, phần của cụ S còn lại diện tích đất 2.766,8m<sup>2</sup> và 2000m<sup>2</sup> đất là phần của anh Huỳnh Thanh B do anh B chưa nhận mà để lại cho cụ S canh tác và cụ S được cấp quyền sử dụng tổng diện tích 4.766,8m<sup>2</sup> (thực tế đo đạc là 4.782,7m<sup>2</sup>).

[5] Đối với phần đất ruộng diện tích  $7.538\text{m}^2$ , thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp do anh Huỳnh Thiện T đứng tên giấy chứng nhận, hiện nay anh T cho ông Văng Đại HA thuê làm hàng năm. Phần đất này vào năm 2021, anh T được cụ Phạm Thị S làm thủ tục tặng cho anh T đứng tên quyền sử dụng đất và diện tích  $3.884\text{m}^2$ , thuộc thửa 1275, tờ bản đồ 07 là do anh T nhận chuyển nhượng, anh T cũng đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc anh T được cụ S tặng cho riêng diện tích  $7.538\text{m}^2$  và anh nhận chuyển nhượng  $3.884\text{m}^2$  được ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I và bà Huỳnh Thị Kim H xác nhận cụ S đã tặng cho anh T đồng thời theo Văn bản số 386/UBND-NC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện G cung cấp thông tin là: *“Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thiện T diện tích đất  $7.538\text{m}^2$ , thửa 1790, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã Bình P, huyện G vào ngày 28/6/2021 và diện tích đất  $3.884\text{m}^2$ , thửa 1275, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã Bình P, huyện G vào ngày 29/5/2014 đảm bảo trình tự thủ tục và đúng vị trí đất; có đo đạc thực tế; nguồn gốc có được tại thửa 1790, diện tích  $7.538\text{m}^2$ , tờ bản đồ số 7 do ông Huỳnh Thiện T nhận tặng cho từ bà Phạm Thị S; thửa 1275, diện tích  $3,884\text{m}^2$ , tờ bản đồ số 7 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng”*. Do đó đối với các phần đất này không còn là di sản thừa kế của cụ S để lại nên việc bà Huỳnh Thị V yêu cầu được hưởng thừa kế  $2.000\text{m}^2$  đất ruộng bằng hiện vật và ông Huỳnh Minh P yêu cầu được hưởng giá trị đối với phần đất này là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Vào ngày 21/8/2021, cụ Phạm Thị S qua đời để lại các tài sản gồm:

[6.1] Quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích  $115,5\text{m}^2$ , thửa 42, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Phạm Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất, hiện nay anh T quản lý sử dụng (căn nhà xây dựng vào năm 2012).

[6.2] Quyền sử dụng đất diện tích  $225\text{m}^2$  và căn nhà gỗ lợp ngói gắn liền với quyền sử dụng đất, thuộc thửa số 836, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp quyền sử dụng do anh Huỳnh Minh P quản lý, đang sử dụng.

[6.3] Đất ruộng tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Phạm Thị S đứng tên diện tích  $4.766,8\text{m}^2$  (theo đo đạc thực tế là  $4.782,7\text{m}^2$ ), thuộc thửa số 1185, tờ bản đồ số 4 (do anh Huỳnh Thiện T đang quản lý  $2.782,7\text{m}^2$ , ông Huỳnh Tấn I sử dụng  $2000\text{m}^2$  do ông I mua lại của các anh em), đang cho anh Huỳnh Văn N thuê làm hàng năm.

[7] Về nguồn gốc đất và nhà nêu trên các đồng thừa kế đều xác nhận là

di sản cha mẹ là cụ Huỳnh Văn D và Phạm Thị S để lại. Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị V trình bày cụ Phạm Thị S qua đời có để lại Di chúc cho bà được hưởng 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và ½ căn nhà nóc thái tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do anh Huỳnh Thiện T đang quản lý sử dụng. Nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị V khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Thiện T phải chia thừa kế cho bà được hưởng các tài sản trên và bà V khởi kiện bổ sung yêu cầu anh Huỳnh Thiện T chia thừa kế cho bà 2.000m<sup>2</sup> đất ruộng thửa 1790, tờ bản đồ số 07 tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu anh Huỳnh Minh P chia thừa kế cho bà được hưởng 1/6 căn nhà lợp ngói gắn liền với diện tích đất 225m<sup>2</sup> tại ấp Tân Hòa R, xã T do anh P đang sử dụng bằng giá trị theo giá của Hội đồng định giá và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P và Huỳnh Thị Kim H cùng yêu cầu anh Huỳnh Thiện T, anh Huỳnh Minh P chia thừa kế các tài sản trên.

[8] Xét thấy Tờ Di chúc không có ngày tháng, có chữ ký tên của cụ Phạm Thị S (tại bút lục số 02) do bà V cung cấp về hình thức và nội dung chưa đúng theo quy định tại điều 631 của Bộ luật Dân sự đồng các anh em không ai thừa nhận Tờ di chúc này. Bị đơn anh Huỳnh Thiện T cũng có cung cấp 01 Tờ di chúc ngày 15/4/2021 nội dung của Tờ di chúc là cụ Phạm Thị S thể hiện việc ghi nhận lại phần đất của cụ S và cụ D tạo lập đã chia cho các con xong chứ không có việc phân chia nào khác. Do đó nay các anh em phát sinh tranh chấp thừa kế các di sản của cụ S để lại thì được xem xét chia theo pháp luật là hoàn toàn phù hợp.

[9] Đối với quyền sử dụng đất diện tích 115,5m<sup>2</sup> và căn nhà cấp 4 nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất, thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Phạm Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị V yêu cầu được hưởng ½ căn nhà nóc thái và hưởng bằng hiện vật, bà V cho rằng mẹ bà có hứa cho bà ½ căn nhà nóc thái có anh em và hàng xóm biết nhưng tại phiên tòa hôm nay các anh em của bà V trình bày không biết việc này, ngoài ra bà V cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh, đồng thời, căn nhà là một khối thống nhất nên việc bà V yêu cầu anh T chia cho bà ½ căn nhà bằng hiện vật là manh mún, không ai sử dụng được và không phù hợp pháp luật nên yêu cầu nhận hiện vật của bà V là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét thấy hiện nay anh T đang quản lý và sử dụng và căn nhà này để thờ cúng cha mẹ, đây là căn nhà cụ S mới xây cất vào năm 2012 thời điểm này các anh chị em của anh T đã có nhà riêng, anh T là người sống cùng với cụ S, anh T có góp công gìn giữ và thờ cúng cha mẹ nhưng nay các anh em đều xác

nhận đây là di sản của cụ S để lại và có tranh chấp thừa kế, do đó chia thừa kế căn nhà này làm 07 phần (gồm 06 chị em, mỗi người được hưởng 01 phần và 01 phần để thờ cúng) theo giá Hội đồng định giá nền đất là  $1.500.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 115,5\text{m}^2 = 173.250.000\text{đồng}$ , giá trị căn nhà nóc thái còn lại 80% là  $396.600.000\text{đồng}$ , tổng cộng nền đất và nhà ( $173.250.000\text{đồng} + 396.600.000\text{đồng}$ ) là  $569.850.000\text{đồng}$  (Năm trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) : 07 phần =  $81.407.000\text{đồng}$  (Tám mươi một triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng). Anh T được hưởng 01 phần của anh T và 01 phần để thờ cúng cha mẹ, đồng thời anh T có nghĩa vụ trả giá trị cho 05 chị em gồm bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P và bà Huỳnh Thị Kim H mỗi người là  $81.407.000\text{đồng}$  (Tám mươi một triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng). Anh T được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích  $115,5\text{m}^2$ , thửa 42, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và căn nhà cấp 4 nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do cụ Phạm Thị S đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất là hoàn toàn phù hợp và anh Huỳnh Thiện T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với phần diện tích đất ruộng tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Phạm Thị S đứng tên tổng diện tích  $4.766,8\text{m}^2$  (theo đo đạc thực tế là  $4.782,7\text{m}^2$ ), thuộc thửa số 1185, tờ bản đồ số 4. Theo bà Huỳnh Thị V và ông Huỳnh Minh P yêu cầu ông Huỳnh Thiện T phải chia thừa kế cho bà V được hưởng  $1000\text{m}^2$  và ông Huỳnh Minh P cũng yêu cầu được hưởng  $1000\text{m}^2$ , bà V và ông P cho rằng cụ Phạm Thị S có làm Di chúc cho bà V và ông P nhưng xét thấy Di chúc nêu trên không phù hợp với quy định của pháp luật nên việc yêu cầu được hưởng theo Di chúc quyền sử dụng đất diện tích  $1000\text{m}^2$  tại khóm C, phường An L của bà V và ông P là không có căn cứ chấp nhận mà chỉ xem xét chia thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[12] Hiện nay diện tích  $4.766,8\text{m}^2$  theo thực tế đo đạc là  $4.782,7\text{m}^2$ , thuộc thửa số 1185, tờ bản đồ số 4, tại phiên tòa hôm nay các chị em đều xác định trong phần đất  $4.766,8\text{m}^2$  (thực tế đo đạc là  $4.782,7\text{m}^2$ ) có  $2.000\text{m}^2$  là đất của anh Huỳnh Thanh B được cụ S cho trước đây như các anh em khác nhưng anh B không nhận mà để cho mẹ là cụ S đứng tên và cụ S cho anh Tuấn (là cháu nội) thuê làm hàng năm lấy tiền sinh hoạt, nay cụ S qua đời thì anh B thống nhất lấy  $2.000\text{m}^2$  đất của anh B cho lại 05 chị em (V, I, P, H, T) mỗi người  $400\text{m}^2$ , các anh em đã nhận xong và đã chuyển nhượng cho anh Huỳnh Tấn I, hiện anh Huỳnh Tấn I cho con là Huỳnh Văn N làm lúa, các anh em của bà V thống nhất không yêu cầu, không tranh chấp gì đối với quyền sử dụng đất diện tích  $2.000\text{m}^2$  này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần  $2.000\text{m}^2$  đất này nữa.

Như vậy chỉ còn lại diện tích  $2.766,8\text{m}^2$  (theo thực tế đo đạc là  $2782,7\text{m}^2$ ) là di sản của cụ S nên chia đều cho 06 phần nhưng do mục đích sử dụng là đất ruộng nên không thể chia bằng hiện vật manh mún, không ai sử dụng được, đồng thời hiện nay phần diện tích đất  $2.766,8\text{m}^2$  (thực tế đo đạc là  $2.782,7\text{m}^2$ ) anh T đang quản lý sử dụng (cho anh Tuấn thuê), do đó giao cho anh T được tiếp tục sử dụng, anh T có nghĩa vụ trả giá trị cho các đồng thừa kế theo giá của Hội đồng định giá là  $280.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 2.782,7\text{m}^2$  (theo thực tế đo đạc) =  $779.156.000\text{đồng}$  : 06 phần =  $129.859.000\text{đồng}$  (Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng). Anh T có nghĩa vụ chia giá trị cho bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P và bà Huỳnh Thị Kim H mỗi người là  $129.859.000\text{đồng}$  (Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng), anh T được quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích theo thẩm định thực tế là  $2.782,7\text{m}^2$ , thuộc thửa số 1185, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do cụ Phạm Thị S đứng tên và anh Huỳnh Thiện T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[13] Để đảm bảo quyền lợi cho bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P và bà Huỳnh Thị Kim H trong quá trình thi hành án, kể từ ngày bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P và bà Huỳnh Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Huỳnh Thiện T chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[14] Đối quyền sử dụng đất diện tích  $225\text{m}^2$  và căn nhà gỗ lợp ngói gắn liền với quyền sử dụng, thuộc thửa số 836, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp quyền sử dụng do ông Huỳnh Minh P đang sử dụng, ông P trình bày cho rằng phần căn nhà này mẹ ông là cụ Phạm Thị S khi còn sống đã hứa cho ông. Nay ông không thống nhất chia thừa kế cho 05 chị em của ông, nhưng ông P không có chứng cứ gì chứng minh việc ông được mẹ cho ông căn nhà này. Do đó căn nhà gỗ lợp ngói này được chia thành 06 phần, ông P được hưởng 01 phần, ông P được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và căn nhà này, ông P có nghĩa vụ trả giá trị cho 05 chị em gồm bà V, ông B, ông I, bà H, ông T, mỗi người được hưởng theo giá của Hội đồng định giá là  $139.800.000\text{đồng}$ , (một trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) : 06 phần =  $23.300.000\text{đồng}$  (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

[15] Đối với quyền sử dụng đất diện tích  $225\text{m}^2$ , thuộc thửa số 836, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất

chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, do ông Huỳnh Minh P đang sử dụng hiện nay phần đất này có phát sinh việc vợ chồng ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày cho rằng trong diện tích đất 225m<sup>2</sup> có diện 20,5m<sup>2</sup> (ngang một cạnh 5,5m và một cạnh 5,85m, chiều dài một cạnh 5,13m và một cạnh là 2,23m) là đất của ông A và bà M đã mua của ông Thái Văn Q vào năm 2003 nên ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M khởi kiện độc lập yêu cầu các đồng thừa kế của cụ Phạm Thị S là bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H và anh Huỳnh Thiện T phải trả lại cho ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M quyền sử dụng đất diện tích 20,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 836 tờ bản đồ số 02, tọa tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo thẩm định thực tế tại Sơ đồ đo đạc số 30/2022/SĐĐĐ - CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 30/12/2022.

[16] Do đó phần diện tích đất còn lại anh P đang sử dụng là 204,5m<sup>2</sup> chia làm 06 phần theo giá của Hội đồng định giá đối với diện tích đất 98m<sup>2</sup> (phần đất gắn liền với nhà ngôi) x giá 750.000đồng/m<sup>2</sup> = 73.500.000đồng và 106,5m<sup>2</sup> x giá 135.000đồng/m<sup>2</sup> = 14.377.000đồng. Tổng giá trị phần đất là 87.877.500đồng, làm tròn là 87.878.000đồng : 06 phần = 14.646.000đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Như vậy đối với phần diện tích đất 204,5m<sup>2</sup> anh Huỳnh Minh P phải chia giá trị cho bà Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Thị Kim H và Huỳnh Thiện T mỗi người được hưởng là 14.646.000đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), anh P được quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích theo thẩm định thực tế là 204,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 836, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đồng thời, theo Công văn số: 1421/UBND-HC ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp thông tin cho Tòa án nội dung “*phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 836, tờ bản đồ số 2, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo sổ mục kê thửa đất số 836 chưa có tên chủ sử dụng đất; Hiện tại, Ủy ban nhân dân thành phố chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này*”, do đó, khi nào có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp giấy đất thì ông Huỳnh Minh P, ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai.

[17] Để đảm bảo quyền lợi cho bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Thiện T và bà Huỳnh Thị Kim H trong quá trình thi hành án, kể từ ngày bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Thiện T và bà Huỳnh Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Huỳnh Minh P chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[18] Tại phiên tòa ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Huỳnh Minh P phải di dời 02 cây dừa để trả đất lại. Ông A và bà M có khởi kiện độc lập bổ sung yêu cầu ông Huỳnh Minh P di dời 02 cây dừa và các vật kiến trúc ra khỏi phần đất diện tích  $20,5\text{m}^2$ , thuộc một phần thửa 836 tờ bản đồ số 02, tọa tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đồng thời yêu cầu những người thừa kế của bà Phạm Thị S gồm: Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P, Huỳnh Thị Kim H và Huỳnh Thiện T di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên phần đất này để giao trả lại cho vợ chồng ông, bà diện tích đất  $20,5\text{m}^2$  tại một phần thửa 836, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

[19] Xét phần đất diện tích  $20,5\text{m}^2$ , thuộc một phần thửa 836, tờ bản đồ số 02, tọa tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là do ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị Đ con của ông Thái Văn Q có Giấy tay do ông Thái Văn U con của ông Thái Văn Q là anh của bà Thái Thị Đ trực tiếp viết được ông Thái Văn U xác nhận và ông Nguyễn Văn M có đất giáp ranh cũng xác nhận phần diện tích  $20,5\text{m}^2$  là đất của ông A và bà M nhận chuyển nhượng.

[20] Đối với phần vật kiến trúc có trên diện tích đất  $20,5\text{m}^2$  đang tranh chấp theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2024 thì trên phần diện tích đất  $20,5\text{m}^2$  đang tranh chấp (tại vị trí 2 theo Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H) gồm có: 02 cây dừa (cao khoảng 1,2m), 02 cây măng cầu (cao khoảng 1,6m), 16 cây Bạch đàn gồm: 01 cây bạch đàn lớn (hoành cây 0,5m), 01 cây bạch đàn (hoành cây 0,3m) và 14 cây bạch đàn nhỏ cao từ 10 – 20 cm). Do vậy việc ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Huỳnh Minh P di dời 02 cây dừa, đồng thời yêu cầu các người thừa kế của bà Phạm Thị S gồm: Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P, Huỳnh Thị Kim H và Huỳnh Thiện T di dời toàn bộ tài sản vật kiến trúc có trên phần đất này để giao trả lại cho vợ chồng ông diện tích đất  $20,5\text{m}^2$  tại một phần thửa 836, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[21] Xét việc ông Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P cho rằng đất của mẹ ông là cụ Phạm Thị S đã mua của ông Thái Văn Q chiều ngang là 27 dài 36m từ mí lộ ra mé sông, ông I và ông P có cung cấp một Tờ bán hầm ngày 11/9/1996 giữa vợ chồng ông Thái Văn Q, bà Dương Thị S1 với bà Phạm Thị S bằng 6,5 chỉ vàng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T và Tờ giấy có nội dung tên cụ Phạm Thị S gửi nhờ địa chính xã T (người tiền nhiệm) là ông Huỳnh Văn M xác nhận, được Ủy ban nhân dân xã Thường Thới Hậu B xác nhận chữ ký của ông



M nhưng các giấy tờ này chỉ thể hiện việc cụ S mua đất của ông Q do cụ S chỉ trả cho ông Q có 05 chỉ vàng nên hai bên phát sinh tranh chấp do khu vực đất này dính vào quy hoạch kênh T - G, đến ngày 18/9/2001 được Ủy ban nhân dân xã T ra Quyết định công nhận hòa giải thành là bên bà S được nhận 05 phần bên ông Q được nhận 1,5 phần (kể cả tiền bồi hoàn và phần đất còn lại không dính vào quy hoạch), do đó 1,5 phần đất còn lại ông Q đã cho con là bà Thái Thị Đ nên vào ngày 18/11/2003 bà Đ đã bán lại cho ông Võ Anh A diện tích của 1,5 phần này là 220m<sup>2</sup> với số tiền là 4.400.000đồng. Như vậy nếu căn cứ vào Quyết định hòa giải thành thì chiều ngang đất là 27m : 6,5 phần thì cụ S hưởng 5 phần là 20,76m, bà M 1,5 phần là 6,23m nhưng theo thẩm định thực tế thì phần đất của cụ S (do ông P đang sử dụng) có chiều ngang là 20,83m nhiều hơn Quyết định được hưởng còn bên bà M chỉ có 5,5m, lẽ ra bà ông A, bà M được quyền yêu cầu lấy đủ chiều ngang là 6,23m như Quyết định hòa giải thành nhưng ông A, bà M chỉ nhận chiều ngang 5,5m là có lợi cho ông P.

[22] Xét thấy ông I và ông P căn cứ vào các giấy tờ trên cho rằng phần đất của mẹ ông đến trụ đá lớn nên trên phần đất tranh chấp với ông A và bà M chỉ có 01 cây dừa nhưng theo thực tế thẩm định ngày 16/12/2022 đoàn thẩm định có chụp ảnh lại thì trên phần đất tranh chấp với ông A và bà M có 02 cây dừa, và các vật kiến trúc khác nhưng không có trụ đá lớn (gần với cây dừa thứ hai) và tại phiên tòa, ông P cũng thừa nhận trụ đá lớn đó ông mới trồng sau này để xác định đất của mẹ ông là tới trụ đá lớn này nên cây dừa thứ 02 là bên đất của ông. Do vậy việc ông I và ông P cho rằng phần đất của mẹ ông đến trụ đá lớn hiện nay là không có căn cứ chấp nhận.

[23] Xét về phần tiền 270.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), cụ Phạm Thị S đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Sbank). Hiện nay bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H và bị đơn anh Huỳnh Thiện T đã thỏa thuận chia xong, không còn tranh chấp nữa và các đương sự nêu trên đã tự nguyện rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[24] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có. Về việc giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ các Điều 166, 609, 612, 649 BLDS và các Điều 100, 101 Luật đất đai:

[24.1] Đối với phần đất diện tích 7.538m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07, yêu cầu khởi kiện của bà V và yêu cầu độc lập của ông P đối với phần này là không có cơ sở để chấp nhận.

[24.2] Đối với phần đất ruộng ở khóm C, phường An L, thành phố H diện tích 4.782,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 1185, tờ bản đồ số 4. Hiện nay chỉ còn 2.766,8m<sup>2</sup> (theo thực tế đo đạc là 2782,7m<sup>2</sup>). Ông T đang quản lý sử dụng do đó giao cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng. Ông T có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà V, anh B, bà H, ông I, ông P tương ứng với phần mà các đồng thừa kế được nhận theo giá của Hội đồng định giá.

[24.3] Diện tích 115,5m<sup>2</sup> có căn nhà nóc thái gắn liền với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 4, đất ở tại nông thôn ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Hiện căn nhà này anh T đang quản lý và sử dụng.

[24.4] Chia thừa kế căn nhà này làm 07 phần (gồm 06 chị em và 01 phần để thờ cúng). Anh T được hưởng 01 phần của anh T và 01 phần để thờ cúng cha mẹ, anh T được quyền quản lý, sử dụng căn nhà đồng thời có nghĩa vụ trả giá trị cho 05 chị em gồm bà V, ông B, ông I, ông P và bà Kim H mỗi người hưởng giá trị tương ứng với phần tài sản mà họ được hưởng theo giá của Hội đồng định giá.

[24.5] Diện tích 225m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 836, tờ bản đồ số 2 tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó có 204,5m<sup>2</sup> đất là ông P đang quản lý, hiện có căn nhà ngôi diện tích 98m<sup>2</sup> trên đất.

[24.6] Căn nhà gỗ lợp ngói này được chia thành 06 phần, ông P được hưởng 01 phần, ông P được quyền sở hữu căn nhà, ông P có nghĩa vụ trả giá trị cho 05 chị em.

[24.7] Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông A và bà M. Giao phần đất có diện tích 20,5m<sup>2</sup> cho ông A và bà M quản lý và sử dụng. Ông P có trách nhiệm di dời cây dừa, toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên phần đất này. Hiện nay, phần đất này chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nằm trong phạm vi quy hoạch. Ông A và bà M không yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ đòi lại phần đất này đã mua nên giao bà M và ông A quản lý, sử dụng, khi nào UBND có chủ trương cấp giấy, người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp giấy theo quy định của pháp luật thì ông A, bà M được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký.

[24.8] Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[25] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố H là có phần cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[26] Về chi phí tố tụng:

[26.1] Bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H và anh Huỳnh Thiện T chịu phần chi phí

xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà ông bà được chia và chi phí tố tụng phần tranh chấp quyền sử dụng đất với ông A và bà M.

[26.2] Ông Võ Anh A, bà Nguyễn Thị M, anh Huỳnh Văn N, anh Văng Đại HA không phải chịu chi phí tố tụng.

[27] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[27.1] Bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H và anh Huỳnh Thiện T mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà ông bà được hưởng và án phí phần tranh chấp quyền sử dụng đất với ông A và bà M.

[27.2] Ông Võ Anh A, bà Nguyễn Thị M, anh Huỳnh Văn N, anh Văng Đại HA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Điều 147, 157, 158, 163, 164, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166, 609, 612, 649, 660 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị V.

Buộc bị đơn anh Huỳnh Thiện T phải chia thừa kế cho bà Huỳnh Thị V được hưởng một phần thừa kế trong quyền sử dụng đất ruộng, diện tích 2.766,8m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế là 2.782,7m<sup>2</sup>), thửa số 1185, tờ bản đồ số 4 tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bằng giá trị số tiền là 129.859.000đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) và phân thừa kế bằng giá trị của quyền sử dụng đất diện tích 115,5m<sup>2</sup> và căn nhà cấp 4 nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất, thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 4, đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp số tiền là 81.407.000đồng (Tám mươi một triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng). Tổng số tiền bị đơn anh Huỳnh Thiện T phải chia thừa kế cho bà Huỳnh Thị V được hưởng là 211.266.000đồng (Hai trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H.

Buộc anh Huỳnh Thiện T phải chia thừa kế cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H mỗi người được hưởng thừa kế trong quyền sử dụng đất ruộng, diện tích  $2.766,8m^2$  (theo đo đạc thực tế là  $2.782,7m^2$ ), thửa số 1185, tờ bản đồ số 4 tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bằng giá trị số tiền là 129.859.000đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) và phần thừa kế bằng giá trị của quyền sử dụng đất diện tích  $115,5m^2$  và căn nhà cấp 4 nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất, thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 4, đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp số tiền là 81.407.000đồng (Tám mươi một triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng). Tổng số tiền bị đơn anh Huỳnh Thiện T phải chia thừa kế ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn T, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H mỗi người được hưởng là 211.266.000đồng (Hai trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Bị đơn anh Huỳnh Thiện T được hưởng một phần thừa kế trong quyền sử dụng đất ruộng, diện tích  $2.766,8m^2$  (theo đo đạc thực tế là  $2.782,7m^2$ ), thửa số 1185, tờ bản đồ số 4 tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bằng giá trị số tiền là 129.859.000đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) và 02 phần giá trị Căn nhà nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích  $115,5m^2$ , thửa 42, tờ bản đồ số 4, đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp với số tiền là 162.814.000đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng). Tổng số tiền bị đơn anh Huỳnh Thiện T được hưởng là 292.673.000đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Anh Huỳnh Thiện T được quản lý, sử dụng: 1/ Quyền sử dụng đất ruộng diện tích đất  $2.766,8m^2$  (theo đo đạc thực tế là  $2.782,7m^2$ ), thửa số 1185, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khóm C, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo các vị trí 1,2,3a (kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 08/9/2022 và Sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 24/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, 2/ Quyền sử dụng đất diện tích  $115,5m^2$  và căn nhà cấp 4 nóc thái gắn liền với quyền sử dụng đất, thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 4, đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Hòa T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do cụ Phạm Thị S đứng tên tại các mốc 1,2,3,4,1, kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh P phải chia thừa kế bằng giá trị của quyền sử dụng đất diện tích  $204,5m^2$ , thuộc thửa số

836, tờ bản đồ số 2 (đất chưa được cấp quyền sử dụng), tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cho bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, bà Huỳnh Thị Kim H và anh Huỳnh Thiện T mỗi người được hưởng số tiền là 14.646.000đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) và một phần giá trị căn nhà gỗ lợp ngói số tiền là 23.300.000đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông Huỳnh Minh P phải chia thừa kế cho bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Thiện T mỗi người được hưởng là 37.946.250đồng, làm tròn là 37.946.000đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Ông Huỳnh Minh P được hưởng một phần thừa kế trong quyền sử dụng đất diện tích 204,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 836, tờ bản đồ số 2 (đất chưa được cấp quyền sử dụng) tại ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bằng giá trị số tiền là 14.646.000đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) và một phần giá trị căn nhà gỗ lợp ngói số tiền là 23.300.000đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị ông Huỳnh Minh P được hưởng là 37.946.250đồng, làm tròn là 37.946.000đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Ông Huỳnh Minh P được quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích đất 204,5m<sup>2</sup> và căn nhà gỗ lợp ngói gắn liền với quyền sử dụng đất này, thuộc thửa số 836, tờ bản đồ số 2 (đất chưa được cấp quyền sử dụng), tọa lạc ấp Tân Hòa R, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tại các mốc 1,2,5,6,7,8,1 kèm theo Sơ đồ đo đạc số: 30/2022/SĐĐĐ/CNVĐKĐĐ TPHN ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh P về việc yêu cầu được hưởng một phần thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 2.000m<sup>2</sup> bằng hiện vật trong phần đất ruộng 7.538m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1790, tờ bản đồ số 07 và diện tích 3.884m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1275, tờ bản đồ 07, đất tọa lạc tại ấp Cả G, xã Bình P, huyện G, tỉnh Đồng Tháp do anh Huỳnh Thiện T đứng tên quyền sử dụng.

Đình chỉ phần khởi kiện yêu cầu chia thừa kế số tiền của cụ Phạm Thị S gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S và Ngân hàng Thương mại cổ phần K do bà Huỳnh Thị V, Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Minh P, Huỳnh Thị Kim H và Huỳnh Thiện T đã thỏa thuận chia xong.

Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M.

Buộc các đồng thừa kế của cụ Phạm Thị S gồm: Bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Thiện T cùng có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời vật kiến trúc có trên đất gồm: 01 trụ đá lớn, 02 cây măng cầu (cao khoảng 1,6m), 16 cây bạch đàn gồm: 01 cây bạch đàn lớn (hoành cây 0,5m), 01 cây bạch đàn (hoành cây 0,3m) và 14 cây bạch đàn nhỏ (cao từ 10 – 20 cm) và buộc ông Huỳnh Minh P phải di dời 02 cây dừa (cao khoảng 1,2m do ông P trồng) và những vật, kiến trúc khác (nếu có), theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2024 để trả lại cho ông Võ Anh A bà Nguyễn Thị M quyền sử dụng đất diện tích đất 20,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 836 (đất chưa được cấp quyền sử dụng) tại vị trí 2 gồm các Mốc 2,3,4,5,2 kèm theo sơ đồ đo đạc số: 30/2022/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có chủ trương hoặc đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị V phải chịu là 17.860.000đồng (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án đã nộp theo các Biên lai số 0006509 ngày 18/3/2022, Biên lai số 0006576 ngày 13/6/2022 và Biên lai số 0006835 ngày 07/12/2022, tổng số tiền tạm ứng án phí là 12.707.500đồng nguyên đơn bà Huỳnh Thị V còn phải nộp thêm số tiền án phí là 5.152.500đồng, làm tròn là 5.153.000đồng (Năm triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Bị đơn ông Huỳnh Thiện T phải chịu là 16.530.950đồng, làm tròn là 16.531.000đồng (Mười sáu triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B phải chịu là 12.460.600đồng, làm tròn là 12.461.000đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án đã nộp 2.687.500đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai số 0006568 ngày 01/6/2022, ông B còn phải nộp thêm 9.773.500đồng, làm tròn là 9.774.000đồng (Chín triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn I phải chịu là 12.460.600đồng, làm tròn là 12.461.000đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án đã nộp 3.812.000đồng theo

Biên lai số 0006569 ngày 02/6/2022, ông I còn phải nộp thêm 8.649.000đồng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh P phải chịu là 17.461.000đồng (Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án đã nộp 11.300.000đồng theo Biên lai số 0006577 ngày 13/6/2022, ông P còn phải nộp thêm 6.161.000đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim H phải chịu là 12.460.600đồng, làm tròn là 12.461.000đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án đã nộp 3.812.000đồng theo Biên lai số 0006574 ngày 09/6/2022, bà Kim H còn phải nộp thêm 8.649.000đồng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên có yêu cầu độc lập ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí. Ông A và bà M được liên đới nhận lại 600.000đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai số 0001219 ngày 29/8/2023 và Biên lai số 0005045 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Tấn I, ông Huỳnh Minh P, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Thiện T phải liên đới chịu án phí phần tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất với ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Huỳnh Văn N, anh Văn Đại HA không phải chịu tiền án phí.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 26.021.000đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng).

Trong đó:

Bà Huỳnh Thị V chi tạm ứng là 20.620.760đồng (Hai mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Bà Huỳnh Thị V phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 9.230.000đồng, đã nộp và chi xong.

Ông Huỳnh Thiện T phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 2.006.000đồng (hai triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng), nhưng bà Huỳnh Thị V đã tạm ứng trước và đã chi xong, do đó, ông Huỳnh Thiện T phải trả lại cho bà Huỳnh Thị V số tiền 2.006.000đồng (hai triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Ông Huỳnh Minh P chi tạm ứng 4.900.000đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Ông Huỳnh Minh P phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 9.230.000đồng, nhưng bà Huỳnh Thị V đã tạm ứng trước và đã chi xong, do đó, ông Huỳnh Minh P phải trả lại cho bà Huỳnh Thị V số tiền 4.330.000đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Ông Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Thị Kim H phải chịu số tiền chi phí tố tụng mỗi người là 1.685.000đồng (một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng), nhưng bà Huỳnh Thị V đã tạm ứng trước và đã chi xong, do đó, ông Huỳnh Thanh B, Huỳnh Tấn I, Huỳnh Thị Kim H mỗi người phải trả lại cho bà Huỳnh Thị V số tiền 1.685.000đồng (một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M chi tạm ứng 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng), ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M không phải chịu chi phí tố tụng, nhưng ông A, bà M đã tạm ứng trước và đã chi xong, do đó bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Minh P, ông Huỳnh Thanh B, ông Huỳnh Tấn I, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Thiện T phải liên đới trả lại cho ông Võ Anh A và bà Nguyễn Thị M số tiền 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Anh Huỳnh Văn N, anh Văn Đại HA không phải chịu tiền chi phí tố tụng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Mỹ Dung**



